

*Rx -Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc*

## **BILOKA TAB**

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Để xa tầm tay trẻ em.**

### **1. TÊN THUỐC**

BILOKA TAB

### **2. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC**

Thành phần hoạt chất:

Cao khô lá Bạch quả (Extractum Folii Ginkgonis siccum) .....120mg

(tương đương Ginkgo flavon glycoside.....28,8mg)

Thành phần tá dược: Lactose hydrate, Microcrystalline cellulose, Colloidal silicone dioxide, Croscarmellose sodium, Magnesium stearate, Hypromellose, Propylene Glycol, Talc, Titanium Oxide, Blue No.1 aluminum lake, Yellow No.203 aluminum lake.

### **3. DẠNG BẢO CHẾ**

Viên nén bao phim

Mô tả: Viên nén bao phim hình tròn, màu xanh lá, một mặt khắc chữ "ALC".

### **4. CHỈ ĐỊNH**

- Rối loạn chức năng não cùng với các triệu chứng sa sút trí tuệ như giảm trí nhớ, giảm khả năng tập trung, trầm cảm, đau đầu.
- Chóng mặt, ù tai, sa sút trí tuệ do rối loạn dẫn truyền ở các mạch máu.
- Điều trị các rối loạn tuần hoàn của động mạch ngoại vi.

### **5. LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG**

- Uống 1 viên x 2 lần/ngày
- Liều lượng có thể tăng, giảm tùy theo độ tuổi và các triệu chứng của bệnh nhân.

### **6. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

Không sử dụng cho người đang xuất huyết, rối loạn đông máu, nhồi máu cơ tim, não cấp, xuất huyết não.

## 7. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

- Thận trọng với bệnh nhân mẫn cảm với thành phần của thuốc hoặc bất cứ thành phần nào có trong thuốc.
- Tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi sử dụng thuốc đối với những bệnh nhân có các bệnh lý sau: tiểu đường, động kinh, các bệnh về máu, bệnh gan.
- Ngưng thuốc 2 tuần trước khi phẫu thuật.

## 8. SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Không nên sử dụng cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

## 9. TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY

Không nên lái xe và vận hành máy móc khi sử dụng thuốc.

## 10. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

- Tương tác với thuốc kháng viêm không steroid NSAIDs, omeprazol, trazodon: có thể tăng nguy cơ chảy máu.
- Tương tác với Aspirin: tăng nguy cơ chảy máu. Nếu bác sĩ chỉ định liều thấp (81-325mg) để ngăn ngừa đau tim hoặc đột quỵ thì vẫn nên tiếp tục sử dụng aspirin.
- Tương tác với Isoniazid (INH), phenothiazin, theophyllin, thuốc chống trầm cảm 3 vòng: tăng nguy cơ co giật.
- Không dùng cùng thuốc chỉ huyết, chống đông, thuốc chống trầm cảm, chống động kinh.

## 11. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- Thường gặp: Đau bụng, buồn nôn, tiêu chảy, chóng mặt, đau đầu có thể xảy ra.
- Hiếm gặp: Bầm tím, ngất xỉu, nhịp tim không đều, có khả năng tê liệt, yếu cơ, bồn chồn, co giật, nhức đầu dữ dội, yếu nửa người...
- Rất hiếm: Dị ứng: phát ban, ngứa, sưng (đặc biệt là ở mặt, lưỡi, cổ họng), chóng mặt, khó thở.

*Thông báo cho bác sĩ những tác dụng phụ không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.*

## 12. QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

- Các triệu chứng quá liều: khó thở, co giật, mất ý thức.
- Nếu nghi ngờ quá liều, cần đưa bệnh nhân đến trung tâm y tế gần nhất để cấp cứu kịp thời.

## 13. CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

- Đối kháng PAF - một chất thúc đẩy quá trình kết tập tiểu cầu, vì thế thuốc có tác dụng cải thiện tuần hoàn máu não và ngoại biên nhờ tác dụng chống huyết khối, ngăn phù mạch và lưu thông máu.

- Tác động thu dọn gốc tự do, nhờ đó thuốc cải thiện các tổn thương trên thành tế bào và các hội chứng suy giảm tuần hoàn máu, đặc biệt các tổn thương trên mạch máu và tế bào thần kinh.
- Tác động trên chuyển hóa năng lượng: tăng cường sử dụng glucose ngay cả điều kiện thiếu máu cục bộ, vì thế thuốc giúp tránh các tổn hại trên tế bào não gây ra do rối loạn chuyển hóa năng lượng.

#### 14. CÁC ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

- *Hấp thu*  
Khoảng 60% lượng thuốc vào cơ thể được hấp thu ở đường tiêu hóa trên.
- *Phân bố*  
Thuốc được phân bố vào động mạch chủ, não, da, phổi, tim, hạch, tế bào thần kinh và mắt. Thuốc phân bố vào não cao gấp 5 lần so với trong huyết tương sau 72 giờ.
- *Thải trừ*  
Thải trừ qua đường hô hấp và nước tiểu.  
Thời gian bán thải là 4,5 giờ.

#### 15. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 10 vỉ x 10 viên.

#### 16. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

- ❖ **Điều kiện bảo quản:** Bảo quản trong bao bì kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.
- ❖ **Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.
- ❖ **Tiêu chuẩn chất lượng:** KHP4

#### 17. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

Sản xuất bởi:



**KOREA ARLICO PHARM. CO., LTD.**

Địa chỉ: 21, Yongso 2-gil, Gwanghyeon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do, Hàn Quốc

